



PRONOUNCIATION

/t/	/d/
ten /ten/	wonder //

Task 1. Put the words into the correct columns.

but	island	hot	best	modern	read
ticket	eat	address	holiday	pedestrian	wet
ready	boot	buildings	desert	market	boat

/t/

.....

.....

.....

.....

.....

.....

/d/

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Task 2. Circle the word that has the underlined part pronounced differently

- | | | | |
|----------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
| 1. A. <u>t</u> op | B. <u>s</u> tay | C. <u>t</u> en | D. <u>t</u> omato |
| 2. A. <u>t</u> une | B. <u>s</u> top | C. <u>s</u> tick | D. <u>s</u> ticker |
| 3. A. <u>p</u> retty | B. <u>p</u> otato | C. <u>t</u> est | D. <u>s</u> teer |
| 4. A. <u>s</u> tate | B. <u>t</u> ip | C. <u>s</u> tatement | D. <u>s</u> tation |
| 5. A. <u>l</u> ost | B. <u>t</u> ennis | C. <u>p</u> hoto | D. <u>t</u> elephone |
| 6. A. <u>s</u> tand | B. <u>s</u> tamps | C. <u>s</u> teal | D. <u>t</u> ape |
| 7. A. <u>t</u> oy | B. <u>j</u> ust | C. <u>t</u> ea | D. <u>t</u> ight |
| 8. A. <u>s</u> tole | B. <u>s</u> tolen | C. <u>s</u> tuff | D. <u>s</u> cript |
| 9. A. <u>b</u> east | B. <u>b</u> utton | C. <u>t</u> ime | D. <u>t</u> icket |
| 10. A. <u>s</u> taff | B. <u>s</u> tyle | C. <u>t</u> otal | D. <u>s</u> tone |



VOCABULARY

New words	Transcription	Meaning
activity	/æk'tɪvɪti/	hoạt động
Antarctica	/æn'tɑ:ktɪkə/	châu Nam cực
attraction	/ə'trækʃən/	sự hấp dẫn
backpack	/'bækpæk/	ba lô đeo lưng
bay	/beɪ/	vịnh
beach	/bi:tʃ/	bãi biển
cave	/keɪ/	hang động
coast	/kəʊst/	bờ biển
compass	/'kæmpəs/	la bàn
cuisine	/kwɪ'zi:n/	ẩm thực
dangerous	/'deɪndʒərəs/	nguy hiểm
desert	/'dezət/	sa mạc
diverse	/daɪ'vɜ:s/	đa dạng
essential	/'esənʃl/	thiết yếu, quan trọng
forest	/'fɒrɪst/	khu rừng
freshwater	/'frefwɔ:tər/	nước ngọt
freshwater lake	/'frefwɔ:tə leɪk/	hồ nước ngọt
island	/'aɪlənd/	hòn đảo
lake	/leɪk/	hồ nước
map	/mæp/	tấm bản đồ
mobile phone	/məʊbaɪl fəʊn/	điện thoại di động
mountain	/'maʊntɪn/	ngọn núi
mountain range	/'maʊntən reɪndʒ/	dãy núi
natural wonder	/'nætʃrəl wʌndə/	kì quan thiên nhiên

nature	/ˈneɪtʃə(r)/	<i>thiên nhiên</i>
necessary	/ˈnesəseri/	<i>cần thiết</i>
painkiller	/ˈpeɪnkɪlər/	<i>thuốc giảm đau</i>
Perfume river	/ˈpɜːfjuːm ˈrɪvər/	<i>sông Hương</i>
plaster	/ˈplɑːstə(r)/	<i>băng dân</i>
rainforest	/ˈreɪnfɔːrɪst/	<i>rừng nhiệt đới</i>
river	/rɪvər/	<i>dòng sông</i>
Rooster and Hen Island	/ˈruːstər ænd hen ˈaɪlənd/	<i>hòn Trống Mái</i>
scissors	/ˈsɪzəz/	<i>cái kéo</i>
seafood	/ˈsiːfuːd/	<i>hải sản</i>
sleeping bag	/ˈsliːpɪŋ bæɡ/	<i>túi ngủ</i>
snow	/snəʊ/	<i>tuyết</i>
special	/ˈspeʃl/	<i>đặc biệt</i>
sun cream	/ˈsʌn kriːm/	<i>kem chống nắng</i>
sun hat	/sʌn hæʔ/	<i>mũ chống nắng</i>
tent	/tent/	<i>cái lều</i>
torch	/ˈtɔːtʃ/	<i>đèn pin</i>
traditional	/trəˈdɪʃənəl/	<i>thuộc truyền thống</i>
travel items	/trævl ˈaɪtəm/	<i>các đồ dùng cần khi đi du lịch</i>
unforgettable	/ʌnfəˈgetəbl/	<i>không thể quên được</i>
valley	/ˈvæli/	<i>thung lũng</i>
walking boot	/ˈwɔːkɪŋ buːt/	<i>giày đi bộ</i>
waterfall	/ˈwɔːtəfɔːl/	<i>thác nước</i>
waterproof coat	/ˈwɔːtəfɔːl kəʊt/	<i>áo mưa</i>

Task 1. Look at the pictures and complete the blanks with the words given.

Ha Long Bay
cave



1.....

waterfall
desert



2.....

lake
mountain



3.....

beach
island



4.....



5.....



6.....



7.....



8.....

Task 2. Write the names of natural wonders.

Waterfall lake forest cave desert island valley river

1. A large area of land where there is almost no water, rains, trees, or plants _____
2. A large area of water that flows towards the sea _____
3. A large area of water that is surrounded by land _____
4. A piece of land that is completely surrounded by water _____
5. A place where a stream or river falls down from a high place _____
6. A large area of land that is covered with a lot of trees _____
7. A low area of land between mountains or hills _____
8. A large hole in the side of a hill or under the ground _____

Task 3. Read the definitions and complete the blanks with given words.

sun cream
river

lake
sleeping bag

tent
mountain

painkiller
map

waterfall
beach

No.	Definitions	Word
1.	a very high hill, often with rocks near the top	
2.	a natural flow of water that continues in a long line across land to the sea/ocean	
3.	a place where a stream or river falls from a high place, for example over a cliff or rock	
4.	a large area of water that is surrounded by land	
5.	an area of sand or small stones, beside the sea or a lake	
6.	a shelter made of a large sheet of canvas, nylon, etc. that is supported by poles and ropes fixed to the ground, and is used especially for camping	
7.	a drug that reduces pain	
8.	cream that you put on your skin to protect it from the harmful effects of the sun	
9.	a thick warm bag that you use for sleeping in, for example when you are camping	
10.	a drawing or plan of the earth's surface or part of it, showing countries, towns, rivers, etc.	

Task 4. Complete the following phrases with the given words

river sun cream walking boots painkiller cave scissors
 mobile phone sun hat sleeping bag mountain seafood tent

- | | |
|----------------------|-----------------------|
| 1. swim in the | 7. climb up the |
| 2. explore the | 8. walk with |
| 3. have a | 9. wear a |
| 4. sleep in a | 10. eat |
| 5. lather | 11. cut with |
| 6. set up a | 12. call with a |